TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 07/07/2026
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.
2. Bà Phạm Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2026/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Thành N, sinh năm 1984. Căn cước công dân số 0680840005xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2023. Nơi ĐKHKTT: Ấp L, xã H, thành phố Đ. Địa chỉ nhận văn bản: Số F đường N, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1994 và ông Nguyễn H sinh năm 2001; Địa chỉ liên hệ: Số F đường N, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng uỷ quyền ngày 25 tháng 2 năm 2026)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984; Căn cước công dân số 0371840054xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022. Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Anh N, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai anh Vũ Thành N là nguyên đơn trình bày: anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ nay là xã L, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân giữa anh N và chị M là tự nguyện. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng, anh chị đã nhiều lần tìm các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, thực tế anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay và không quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mối quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa và không có khả năng hàn gắn. Do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N ly hôn với chị Nguyễn Thị M để anh ổn định cuộc sống.

Về con chung, con riêng: anh và chị M có một con chung cháu Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014 hiện đang ở cùng với chị M. Nay ly anh đề nghị Toà án giao cháu Y cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về con riêng không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị M trình bày: chị M và anh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình cũ, nay là xã L, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn và không sống cùng nhau nữa, chị M về quê làm ăn sinh sống, còn anh N vẫn ở trong miền N. Anh chị sống ly thân nhau 13 năm nay và không liên lạc với nhau nữa. Nay chị nhận thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn và không còn khả năng hàn gắn nên chị đồng ý ly hôn với anh N

Về con chung, con riêng: Chị và anh N có một con chung cháu Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014 hiện đang ở cùng với chị M. Nay ly hôn chị đề nghị Toà án giao cháu Vũ Thị Kim Y cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với đối với cháu Y là 3.000.000đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Con riêng không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh N không có tài sản và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của anh N, chị M là cháu Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014 nguyện vọng cháu Y muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án về cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và §iÒu 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Thành N ly hôn chị Nguyễn Thị M
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014. Anh Vũ Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Thành N có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại: xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Vũ Thành N và vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị M. Anh N, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Vũ Thành N và chị Nguyễn Thị M có đăng ký kết hôn ngày ngày 18 tháng 10 năm 2013 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh

Ninh Bình cũ, nay là UBND xã L, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Cả anh N và chị M đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm và anh chị đã sống ly thân nhau 13 năm nay. Cả hai anh chị đều thừa nhận cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên anh chị thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung, con riêng: anh N và chị M có một con chung là Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014 đang ở cùng chị M. Nay ly hôn cả anh N và chị M đều nhất trí đề nghị Toà án giao cháu Vũ Thị Kim Y cho chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y là 3.000.000đồng/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thống nhất việc giao con sau khi ly hôn giữa chị M, anh N là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự. Về con riêng anh N, chị M không có con riêng, không yêu cầu Toà xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: anh N, chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Vũ Thành N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Thành N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Thành N và chị Nguyễn Thị M. (Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị M chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung, con riêng:

2.1.Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Kim Y, sinh ngày 26 tháng 07 năm 2014 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Vũ Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Y là 3.000.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 và anh N có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2 Về con riêng: anh N, chị M không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng: anh N và chị M không yêu cầu xem xét. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Thành N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001331 ngày 23 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Vũ Thành N còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự để sung ngân sách

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã L, Tỉnh Ninh Bình
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh